

HỆ THỐNG NỘI DUNG ÔN TẬP KINH TẾ CHÍNH TRỊ - SSH 1121

CHƯƠNG 2: HÀNG HÓA, THỊ TRƯỜNG & VAI TRÒ CỦA CÁC CHỦ THỂ THAM GIA THỊ TRƯỜNG

1/ **Nền sản xuất hàng hóa**

- Trình bày khái niệm sản xuất hàng hóa
- Phân tích hai điều kiện tồn tại và phát triển nền sản xuất hàng hóa
- Chỉ ra mâu thuẫn cơ bản của sản xuất hàng hóa
- Nêu các ưu thế của sản xuất hàng hóa

2/ **Hai thuộc tính của hàng hóa và các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị hàng hóa**

- Nêu khái niệm hàng hóa
- Trình bày thuộc tính giá trị sử dụng của hàng hóa
- Phân tích cơ sở tạo nên giá trị hàng hóa là từ lao động của nhà sản xuất kết tinh trong hàng hóa, giá trị phản ánh quan hệ giữa các nhà sản xuất
- Trình bày k/n lượng giá trị hàng hóa và các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị

3/ **Nguồn gốc, bản chất và các chức năng của tiền**

- Chỉ ra nguồn gốc của tiền là do sự trao đổi hàng hóa, nên cần một hình thái đo lường giá trị.
- Tóm lược 04 hình thái đo lường giá trị đã có trong lịch sử, từ hình thái giản đơn đến hình thái tiền tệ
- Nêu bản chất tiền tệ là hàng hóa đặc biệt được chọn làm vật ngang giá duy nhất, nhấn mạnh phải gắn với vàng
- Trình bày 5 chức năng của tiền, chú ý nhấn mạnh một số chức năng phải gắn liền với tiền vàng, bạc

4/ **Vì sao tiền là hàng hóa đặc biệt**

- Nêu bản chất tiền tệ
- Chỉ ra rằng tiền là một hàng hóa do lao động của con người tạo ra
- Nhấn mạnh tính chất đặc biệt của tiền, khác với hàng hóa thông thường (về nguồn gốc ra đời do lưu thông, về chức năng làm vật ngang giá, phương tiện cất trữ, phương tiện lưu thông trao đổi ...)

5/ **Quy luật giá trị - quy luật cơ bản của sản xuất hàng hóa**

- Trình bày nội dung quy luật, thể hiện trên 02 lĩnh vực: sản xuất và lưu thông
- Phân tích quan hệ giữa cung-cầu với giá cả và giá trị. Từ đó khẳng định vai trò của quy luật giá trị, quyết định xu thế vận động của giá cả hàng hóa trên thị trường
- Nêu tác dụng của quy luật giá trị về kinh tế và xã hội
- Kết luận vai trò của quy luật giá trị là quy luật cơ bản của sản xuất và trao đổi hàng hóa

6/ **Cơ chế thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường**

- Trình bày khái niệm thị trường, cơ chế thị trường, nền kinh tế thị trường
- Chỉ ra 04 chủ thể tham gia thị trường (Nhà sản xuất, Người tiêu dùng, Chủ thể trung gian, Nhà nước)
- Nhấn mạnh vai trò chủ yếu của Nhà nước là kiến tạo môi trường vĩ mô của nền kinh tế

CHƯƠNG 3: SẢN XUẤT GIÁ TRỊ THẶNG DƯ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

7/ **Sức lao động (một hàng hóa đặc biệt) và tiền công trong CNTB**

- K/n hàng hóa sức lao động
- Chỉ ra 02 điều kiện để sức lao động trở thành hàng hóa
- Phân tích hai thuộc tính giá trị và giá trị sử dụng của sức lao động, khiến cho sức lao động là hàng hóa đặc biệt
- Nêu bản chất tiền công trong CNTB là giá cả của hàng hóa sức lao động

8/ **Nguồn gốc và bản chất giá trị thặng dư**

- Chỉ ra công thức chung của tư bản là $T-H-T'$ (trong đó $T' > T$)
- Chỉ ra đặc điểm của quá trình sản xuất GTTD là sự tách rời giữa TLSX và SLĐ (Nhà tư bản sở hữu TLSX, còn Công nhân sở hữu SLĐ nhưng bán quyền sử dụng SLĐ cho nhà tư bản)
- Sử dụng tính chất đặc biệt của hàng hóa SLĐ (là có thể tạo nên giá trị mới lớn hơn bản thân giá trị SLĐ) để phân tích quá trình sản xuất và lưu thông thực chất là $T-H-H'-T'$. Từ đó, thấy được rằng giá trị của $H' >$ giá trị của H
- Trình bày 03 kết luận về giá trị thặng dư

9/ Hai phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối & Sản xuất giá trị thặng dư tương đối

- Nêu công thức xác định tỷ suất GTTD và khối lượng GTTD, chỉ ra mục tiêu của các nhà tư bản là nâng cao tỷ suất giá trị thặng dư
- Nêu nội dung 02 phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối và sản xuất giá trị thặng dư tương đối
- Chỉ ra điểm giống nhau (làm tăng trình độ bóc lột, tăng quy mô bóc lột ...)
- Chỉ ra điểm khác nhau (về tính chất, về quan hệ giai cấp, về điều kiện áp dụng ...)

10/ Quy luật tích lũy tư bản, tập trung tư bản

- K/n tích tụ tư bản, tập trung tư bản
- Chỉ ra điểm giống nhau (về tăng quy mô tư bản cá biệt ...)
- Chỉ ra điểm khác nhau (về quy mô tư bản xã hội, về quan hệ giai cấp ...)
- Trình bày biểu hiện mới

11/ Quy luật cấu tạo tư bản ngày càng tăng và vấn đề thất nghiệp trong CNTB

- Nêu các khái niệm về cấu tạo tư bản
- Trình bày quy luật cấu tạo tư bản C/V ngày càng tăng, từ đó chỉ ra nhu cầu nhân công có xu thế giảm
- Nhấn mạnh bản chất sở hữu tư nhân của CNTB, nên nhà tư bản tư nhân sẵn sàng sa thải CN
- Kết luận “thất nghiệp là người bạn đường của CNTB”

12/ Quy luật giá trị thặng dư - quy luật tuyệt đối của CNTB

- Trình bày nội dung quy luật
- Phân tích 4 cơ sở để quy luật GTTD trở thành quy luật tuyệt đối của CNTB
- Trình bày biểu hiện mới của quy luật GTTD (về quy mô, về quan hệ XH, về phương thức bóc lột ...)

13/ Sự hoạt động của quy luật giá trị và quy luật GTTD trong CNTB tự do cạnh tranh

- Trình bày khái niệm lợi nhuận, chi phí, tỷ suất lợi nhuận
- Phân tích cạnh tranh giữa các ngành và tác dụng tạo nên tỷ suất lợi nhuận bình quân cùng với lợi nhuận bình quân
- Kết luận trong CNTB tự do cạnh tranh (tức là tư bản được tự do di chuyển giữa các ngành) thì quy luật GTTD biểu hiện thành quy luật lợi nhuận bình quân
- Kết luận trong CNTB tự do cạnh tranh (tức là tư bản được tự do di chuyển giữa các ngành) thì quy luật giá trị biểu hiện thành quy luật giá cả sản xuất

CHƯƠNG 4: CẠNH TRANH & ĐỘC QUYỀN TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

14/ Phân tích đặc điểm sự tập trung sản xuất và sự hình thành tổ chức độc quyền

- Phân tích các nguyên nhân (do cạnh tranh tự do, sự phát triển KHKT và sự khủng hoảng kinh tế)
- K/n tổ chức độc quyền
- Nêu các hình thức tổ chức độc quyền
- Chỉ ra biểu hiện mới của độc quyền

15/ Phân tích đặc điểm xuất khẩu tư bản

- Phân tích các nguyên nhân lịch sử (do tình trạng tư bản thừa và khai thác thuộc địa)
- K/n xuất khẩu tư bản (nhấn mạnh sự khác biệt giữa xuất khẩu tư bản với xuất khẩu hàng hóa)
- Nêu các hình thức xuất khẩu tư bản
- Chỉ ra biểu hiện mới của xuất khẩu tư bản (về hướng xuất khẩu tư bản, về tính chất ...)

16/ Chủ nghĩa tư bản độc quyền Nhà nước

- Phân tích nguyên nhân hình thành CNTB độc quyền Nhà nước (Mâu thuẫn giữa các TCDQ trên phạm vi TG, mâu thuẫn giữa TCDQ với giai cấp CN và toàn XH, mâu thuẫn nội tại của CNTB gây nên khủng hoảng chu kỳ)
- Trình bày khái niệm CNTB độc quyền Nhà nước
- Chỉ ra các hình thức kết hợp giữa TCDQ với Nhà nước tư sản (về sở hữu, về nhân sự, về cơ chế)
- Kết luận chung về thành tựu và hạn chế của Chủ nghĩa tư bản

CHƯƠNG 5:

KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XHCN & QUAN HỆ LỢI ÍCH KINH TẾ TẠI VIỆT NAM

17/ Phân tích đặc trưng của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam

- Trình bày khái niệm nền kinh tế thị trường
- Chỉ ra cơ sở tất yếu của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam (cơ sở lý luận QHSX phải phù hợp trình độ LLSX; cơ sở thực tiễn tác dụng tích cực của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN; cơ sở lịch sử Cách mạng Việt Nam)
- Phân tích đặc trưng định hướng XHCN của nền kinh tế thị trường tại Việt Nam, khác biệt với các nền kinh tế thị trường TBCN (Về mục tiêu, quan hệ sở hữu, quan hệ quản lý, quan hệ phân phối, kiến trúc thượng tầng)

18/ Khái niệm, cấu trúc thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN và sự phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng trong hoàn thiện thể chế.

- Trình bày khái niệm thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN
- Chỉ ra các bộ phận cấu thành thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN
- Phân tích sự cần thiết phải hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN (Do thực tiễn hội nhập, mục tiêu phát triển cao; Do sự dịch chuyển cơ sở hạ tầng kinh tế; Do xu thế phát huy vai trò XH để xây dựng thể chế)
- Trình bày nhiệm vụ phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng trong quá trình hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN.

19/ Phân tích quan hệ lợi ích kinh tế và vai trò của Nhà nước trong việc điều hòa quan hệ lợi ích kinh tế

- Nêu khái niệm lợi ích kinh tế, quan hệ lợi ích kinh tế
- Trình bày các kiểu quan hệ lợi ích kinh tế (Theo quan hệ giai cấp: QH lợi ích DN-NLĐ, DN-DN, NLĐ-NLĐ; Theo cấp độ xã hội: QH lợi ích các nhân, lợi ích nhóm, lợi ích xã hội)
- Chỉ ra phương thức giải quyết quan hệ lợi ích kinh tế (phương thức cạnh tranh, phương thức thống nhất, phương thức áp đặt)
- Làm rõ vai trò của Nhà nước trong việc điều hòa các quan hệ lợi ích kinh tế

CHƯƠNG 6: CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA & HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM

20/ Đặc trưng của Cách mạng khoa học công nghệ hiện đại và nội dung Công nghiệp hóa của Việt Nam, thích ứng với CM Công nghiệp 4.0

- Khái quát thành tựu các cuộc CM công nghiệp trong lịch sử nhân loại
- Chỉ ra 02 đặc trưng của CM khoa học công nghệ hiện đại (Khoa học trở thành LLSX trực tiếp; Thời gian nâng cấp các phát minh ngày càng rút ngắn)
- Trình bày khái niệm do Đảng Cộng sản Việt Nam đưa ra về Công nghiệp hóa
- Phân tích 03 nội dung của Công nghiệp hóa (phát triển LLSX, điều chỉnh QHSX, dịch chuyển cơ cấu kinh tế) => có liên hệ với CM Công nghiệp 4.0

TỔNG HỢP VẤN ĐỀ KINH TẾ CHÍNH TRỊ VIỆT NAM TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ

21/ Phân tích nội dung Cách mạng XHCN trong nền kinh tế chính trị Việt Nam thời kỳ quá độ

- Phân tích, chỉ ra nội dung cải biến kinh tế là việc xây dựng nền kinh tế thị trường với đặc trưng định hướng XHCN
- Phân tích, chỉ ra nội dung cải biến chính trị là việc đổi mới hệ thống chính trị, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản
- Phân tích, chỉ ra nội dung cải biến xã hội là việc xây dựng xã hội tiến bộ, văn minh, hội nhập quốc tế
- Nhấn mạnh nội dung quan trọng nhất là xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN